

Chương 1:

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH TẾ DOANH NGHIỆP.

Câu I

Giả định tại công ty X có tài liệu như sau:

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực tế
Số lượng sản phẩm tiêu thụ (cái)	190	180
Giá bán đơn vị sản phẩm(đồng)	10.000	11.000

Yêu cầu

: Bằng phương pháp thay thế liên hoàn hoặc phương pháp số chênh lệch, hãy xác định mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến doanh thu bán hàng.

Câu II

Căn cứ vào tài liệu sau đây, phân tích mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến chi phí tiền lương.

Chỉ tiêu	Quý 1	Quý 2
Khối lượng sản phẩm sản xuất(chiếc)	1.300	1.200
mức giờ công cho 1 sản phẩm(giờ/ sản phẩm)	8	7,8
Đơn giá giờ công (đồng/ giờ)	5.000	5.500

Biết rằng : Chi phí tiền lương = Khối lượng SP * Định mức giờ công *Đơn giá giờ công.

Câu III

Giả định tại công ty Y có tài liệu sau: (ĐVT : 1.000đ)

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực tế
Giá trị sản xuất	7.000.000	6.700.000
Năng suất lao động bình quân	38.000	35.000
Tiền lương bình quân	500	550

Yêu cầu: Hãy xác định mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến quỹ lương. **Biết rằng:**

Quỹ lương = (Giá trị sản xuất / NSLĐ bình quân) * tiền lương bình quân.

Câu IV

Tại công ty S có tài liệu sau: (ĐVT : 1000đ)

Chỉ tiêu	Năm trước	Năm nay
Giá trị thành phẩm tồn kho đầu	1.200.000	1.600.000

kỳ		
Giá trị thành phẩm nhập kho	4.200.000	4.500.000
Giá trị thành phẩm tồn cuối kỳ	2.500.000	3.000.000

Yêu cầu: Xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến chỉ tiêu thành phẩm bán ra trong kỳ.

Chương II: PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH SẢN XUẤT CỦA DN

Câu 1:

Trích tài liệu của Doanh nghiệp A như sau : (ĐVT : 1.000đ)

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực tế
Giá trị thành phẩm	19.280	19.172
Giá trị công việc gia công cho bên ngoài	200	220
Giá trị phế liệu, phế phẩm thu hồi	500	510
Giá trị cho thuê TS	1.000	1.800
Chênh lệch SPDD cuối kỳ và đầu kỳ	900	1.100

Yêu cầu: Phân tích tình hình thực hiện kế hoạch về giá trị sản xuất của doanh nghiệp.

Câu II

Có tài liệu của Doanh nghiệp X như sau :

Sản phẩm	Khối lượng sản xuất		Đơn giá bán	
	Kế hoạch	Thực tế	Kế hoạch	Thực tế
X	1.000	1.200	300	320
Y	3.000	2.900	500	485
Z	2.500	2.650	700	710

Yêu cầu : 1)Phân tích tình hình hoàn thành kế hoạch khối lượng sản xuất.

2)Giả sử X, Y , Z là 3 mặt hàng chủ yếu của DN. Hãy phân tích tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất của 3 mặt hàng trên.

Câu III:

Có tài liệu về tình hình sản xuất của 1 DN như sau

Sản phẩm	Số lượng sản phẩm sản xuất		Đơn giá kế hoạch (ĐVT: 1.000đ)
	Kế hoạch	Thực tế	
A	5.600	5.200	200
B	8.000	7.800	250
C	14.000	11.200	120
D	15.000	15.500	100

Yêu cầu : 1)Phân tích tình hình hoàn thành kế hoạch khối lượng sản xuất.

2)Giả sử A, B, C, D là các mặt hàng sản xuất theo đơn đặt hàng của DN. Hãy phân tích tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất của 3 mặt hàng trên.

Câu IV

Tại 1 doanh nghiệp có tài liệu về tình hình sản xuất sản phẩm A như sau:

Loại	KL SX kế hoạch	KLSX thực tế	ĐG kế hoạch (1.000 đ)
1	2.400	2.200	2.500
2	1.200	1.200	2.000

3	400	600	1.000
---	-----	-----	-------

Yêu cầu: Phân tích chất lượng sản xuất sản phẩm.

Câu V

Có tài liệu tại 1 DN như sau :

Doanh nghiệp sản xuất 1 loại sản phẩm Y, được chia làm 3 thứ hạng : 1,2,3

Trong quý I, DN sản xuất 600.000 sản phẩm. tỷ lệ giữa 3 loại là: 3:2:1.

Trong quý II, DN sản xuất 700.000 sản phẩm, tỷ lệ giữa 3 loại là : 4:2:1.

Đơn giá bán KH loại I : 5.000 đ; loại II: bằng $\frac{3}{4}$ loại I; Loại III bằng $\frac{3}{5}$ loại I.

Yêu cầu : Phân tích tình hình sản xuất về mặt chất lượng.

Câu VI:

Tại một doanh nghiệp có tài liệu như sau :

Sản phẩm	Giá thành SPSX(1.000)		Chi phí về SP hỏng (1.000)	
	KH	TT	KH	TT
A	90.000	50.000	2.700	1.500
B	110.000	190.000	3.850	5.700
cộng	200.000	240.000	6.550	7.200

Yêu cầu: Phân tích tình hình chất lượng sản phẩm của DN

Câu VII:

Phân tích tình hình chất lượng SXSP của DN trong trường hợp sau: (ĐVT: 1.000 đ)

Sản phẩm	Giá thành sản xuất		Chi phí SXSP hỏng không sửa chữa được		Chi phí sửa chữa SP hỏng sửa chữa được	
	Kh	TT	Kh	TT	KH	TT
A	400.000	350.000	10.000	8.000	6.000	4.600
B	100.000	200.000	2.000	5.000	1.000	3.100
Cộng	500.000	550.000	12.000	11.000	7.000	7.700

Câu VIII

Tình hình chi phí SX, chi phí thiệt hại sản phẩm hỏng của 2 sản phẩm A, B DN X như sau :

- Tổng chi phí sản xuất kế hoạch: 100 triệu, trong đó sản phẩm A chiếm tỷ trọng 60 % , B chiếm tỷ trọng 40 %.
- Tổng chi phí sản xuất thực tế trong kỳ bằng 120 % so với kế hoạch; và kết cấu mặt hàng thực tế là : sản phẩm A 25 % , B là 75 %.
- Tỷ lệ phế phẩm kỳ kế hoạch của sản phẩm A là : 4 % , sản phẩm B là : 2%.
- Trong kỳ thực tế, tỷ lệ phế phẩm của sp A tăng lên 1 % , sản phẩm B tăng lên 0,5 %.

Yêu cầu: Phân tích chung tình hình sản xuất về mặt chất lượng.

Câu IX

Chỉ tiêu	KH	TT
Giá trị sản xuất (1.000 đ)	90.000	117.000
Số công nhân bình quân	90	100
Số ngày làm việc bình quân 1 công nhân	267	278
Số giờ làm việc bình quân ngày	7,35	7,88
Năng suất lao động giờ	509,56	534

Yêu cầu : Phân tích ảnh hưởng các nhân tố về lao động đến giá trị sản xuất

CHƯƠNG III: PHÂN TÍCH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM SẢN XUẤT

CÂU I

Có tài liệu về tình hình sản xuất của doanh nghiệp HN như sau :

Sản phẩm	Khối lượng SPSX (sản phẩm)		Giá thành đơn vị (1.000đ)		
	Kế hoạch	Thực tế	Năm trước	Kế hoạch	Thực tế
A	2.514	2.580	150	145	142
B	7.600	8.000	250	250	245

Yêu cầu : Hãy phân tích tình hình hạ thấp giá thành sản phẩm so sánh được của doanh nghiệp

CÂU II

Tình hình sản xuất và giá thành sản phẩm của 1 doanh nghiệp X như sau :

Sản phẩm	Khối lượng SP SX (Chiếc)		Giá thành đơn vị(1.000 đồng)		
	KH	TT	NT	KH	TT
A	12.000	12.500	110	95	90
B	1.500	1.540	720	715	710
C	1.000	1.000	-	350	359

Yêu cầu: Phân tích tình hình thực hiện kế hoạch hạ thấp giá thành sản phẩm so sánh được củ doanh nghiệp.

CÂU III

Câu 8: Tại 1 doanh nghiệp có tài liệu như sau :

Sản phẩm	Khối lượng SP sản xuất (Cái)		Giá thành đơn vị (1.000đ)		
	Kế hoạch	Thực tế	Năm trước	Kế hoạch	Thực tế
A	200	250	400	380	390
B	300	320	320	300	310
C	400	300	200	200	180

Yêu cầu : Hãy phân tích tình hình hạ thấp giá thành sản phẩm so sánh được ?

CÂU IV

Phân tích tình hình hạ thấp giá thành của 1 Dn với số liệu sau :

Sản phẩm	Khối lượng SPSX (Tấm)		Giá thành đơn vị sản phẩm (1.000đ)		
	KH	TT	NT	KH	TT
A	300	320	385	380	390
B	200	300	490	485	480
C	400	360	250	250	240
D	300	250	-	300	310

CHƯƠNG IV:

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TIÊU THỤ , KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA DN

CÂU I

Một doanh nghiệp có tài liệu sau:

SP	KLSP tiêu thụ(sp)		Đơn giá bán (1.000đ)		Giá thành đơn vị (1.000đ)	
	Quý 3	Quý 4	Quý 3	Quý 4	Quý 3	Quý 4
A	1.000	2.000	40	45	25	28
B	2.000	1.500	25	30	15	20
C	2.500	3.000	10	12	5	6

Chi phí bán hàng theo dự kiến: 20.500.000 , thực tế: 26.000.000 đồng

Chi phí QLDN theo dự kiến : 5.000.000 đồng; thực tế : 5.200.000 đồng.

Yêu cầu : Hãy phân tích tình hình lợi nhuận của doanh nghiệp?

CÂU II

Một doanh nghiệp sản xuất có tài liệu sau :

Sản phẩm	KLSP sản xuất (cái)		Giá thành đơn vị (1.000đ)		Giá bán đơn vị (1.000đ)	
	KH	TT	KH	TT	KH	TT
X	2.400	2.100	100	95	150	155
Y	2.800	3.000	70	67	90	92
Z	3.000	3.200	30	20	45	42

Các khoản chiết

khấu, giảm giá dự kiến : 7.500.000 đồng, thực tế phát sinh: 6.800.000 đồng.

Chi phí bán hàng dự kiến : 9.650.000, thực tế phát sinh : 8.950.000 đồng.

Chi phí QLDN dự kiến : 3.570.000 đồng, thực tế phát sinh: 4.500.000 đồng.

Yêu cầu : Hãy phân tích tình hình lợi nhuận của doanh nghiệp?

CÂU III

Có tài liệu liên quan đến tình hình sản xuất và tiêu thụ của 1 DN như sau :

Sản phẩm	SLSP tiêu thụ (Chiếc)		Đơn giá bán (1.000 đ)		Giá thành đơn vị (1.000đ)	
	KH	TT	KH	TT	KH	TT
A	100	110	20	22	15	18
B	120	140	30	28	25	24

Các khoản giảm trừ về giảm giá hàng bán dự kiến không phát sinh nhưng thực tế phát sinh 15.000

Tổng CPBH dự kiến : 300.000, Thực tế phát sinh : 340.000

Tổng CPQLDN dự kiến : 500.000, Thực tế phát sinh : 450.000

BÀI TẬP TỔNG HỢP

CÂU I

Có tài liệu về tình hình giá thành của doanh nghiệp như sau:

Sản phẩm	KLSP sản xuất		Giá thành đơn vị			Chi phí sai hỏng	
	Quý 3	Quý 4	Quý 3	KH	Quý 4	Quý 3	Quý 4
A	3000	3.300	40	40	45	12	20,8
B	500	800	30	29	30	3	2,4
C	600	800	380	375	420	34,2	33,6

Yêu cầu: Hãy phân tích tình hình chất lượng sản xuất sản phẩm ?
 Hãy phân tích tình hình hạ thấp giá thành của doanh nghiệp

Câu II

Tại 1 Dn có tài liệu như sau :

Sản phẩm	KL Sp sản xuất		KLSp tiêu thụ		Giá thành đơn vị (1.000đ)			Đơn giá bán (1.000đ)	
	KH	TT	KH	TT	NT	KH	TT	KH	TT
A	200	210	210	210	12	10	9	20	21
B	200	200	250	125	8	7	6	14	15
C	300	310	300	160	4	3	2	8	7
D	150	140	150	170	2,2	2	2	4	4

Tổng Chi phí bán hàng KH:1.500.000 ; thực tế phát sinh : 1.750.000

Tổng Chi phí QLDN kế hoạch : 500.000; thực tế phát sinh : 750.000.

Yêu cầu : 1,Phân tích tình hình hoàn thành kế hoạch sản xuất của DN

2, Giả sử A, B, C , D là các sản phẩm chủ yếu của Dn . Phân tích tình hình hoàn thành kế hoạch sản xuất mặt hàng chủ yếu của DN .

3, Phân tích tình hình hạ thấp giá thành sản phẩm

4, Phân tích tình hình lợi nhuận của DN

